

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2569/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về
đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 11/6/2016 của Chủ tịch UBND
tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,
viên chức tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2016 – 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 509/TTr-SNV ngày 28
tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn năm 2018.

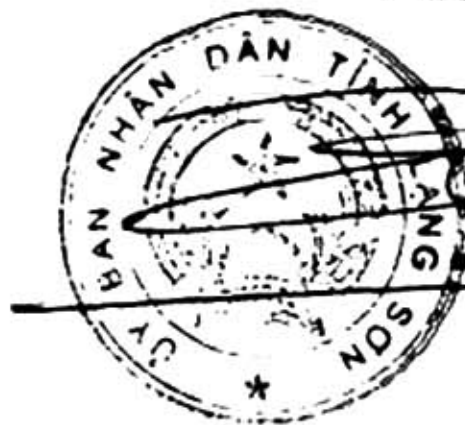
Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban,
ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ
quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ CCHC, Vụ ĐTBĐ - Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban TCTU;
- Trường Chính trị HVT;
- Công an tỉnh; Cục Thống kê;
- PCVP UBND tỉnh,
- Các phòng: TH, HCQT, TT TH-CB;
- Lưu: VT, NC (BMB)

50

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Tiến Thiệu

KẾ HOẠCH

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
tỉnh Lạng Sơn năm 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2569/QĐ-UBND
ngày 28/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BNV ngày 21/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Căn cứ văn bản số 4109/BNV-ĐT ngày 23/8/2017 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018;

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lạng Sơn năm 2018 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, chú trọng nâng cao chất lượng nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh – quốc phòng tại địa phương.

b) Tập trung đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định đối với ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý và theo yêu cầu của vị việc làm của cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và nâng cao năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội cho cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu, mục tiêu xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, vị trí lãnh đạo quản lý, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, kế hoạch bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên

chức đảm bảo hiệu quả, phát huy năng lực, sở trường của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; không cử đối tượng không trong quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tham gia các khóa học trong giờ hành chính, ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị.

c) Khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức chủ động đăng ký các khóa đào tạo, bồi dưỡng học ngoài giờ hành chính theo hình thức xã hội hóa để nâng cao trình độ, năng lực công tác.

d) Huy động nhiều nguồn lực dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng; đảm bảo tính tự chủ, chủ động của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành, cơ quan, đơn vị và mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2016 – 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo tính thống nhất, hợp lý, hiệu quả, không chồng chéo về nội dung, chương trình, về thời gian tổ chức triển khai; thực hiện cơ chế cạnh tranh trong việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng.

e) Hiệu quả, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức phải được đánh giá theo quy định; kết quả học tập của cán bộ, công chức, viên chức phải gắn với việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

g) Việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phải tuân thủ đúng quy định pháp luật (kể cả các nguồn kinh phí từ chương trình, đề án của các cơ quan Trung ương và các nguồn kinh phí khác ngoài dự toán ngân sách nhà nước được giao).

II. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý, công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố.

2. Cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể thuộc tỉnh.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội đặc thù của tỉnh.

4. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

5. Công chức, viên chức các cơ quan trực thuộc Trung ương có trụ sở tại địa phương.

6. Một số đối tượng khác theo nhu cầu của tỉnh.

III. NỘI DUNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Về đào tạo

a) Đào tạo trình độ sau đại học: Tiến sĩ, Thạc sĩ; Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp II; Bác sĩ, Dược sĩ chuyên khoa cấp I, gồm:

- Đào tạo trình độ sau đại học đối với các chuyên ngành, trong đó ưu tiên các lĩnh vực tình còn thiếu và thực sự cần thiết, cần khuyến khích đào tạo.

- Liên kết với các Trường đại học, Học viện tổ chức các lớp đào tạo thạc sĩ mở tại tỉnh theo chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho Khu vực Tây Bắc.

- Đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các nước phát triển theo các chương trình thỏa thuận trong khuôn khổ hiệp định, hợp tác quốc tế.

b) Đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp:

Tiếp tục đào tạo đạt chuẩn và nâng cao trình độ chuyên môn đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy hoạch, kế hoạch.

2. Về bồi dưỡng

a) Đối với cán bộ, công chức:

- Bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức vụ Lãnh đạo, quản lý đối với: Lãnh đạo cấp sở, lãnh đạo cấp huyện, lãnh đạo cấp phòng và tương đương.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch: Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên và tương đương.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức theo các lĩnh vực.

b) Đối với viên chức:

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức các hạng II, hạng III và hạng IV.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở

- Tiếp tục bồi dưỡng đạt chuẩn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội; kỹ năng lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu, về chuẩn hóa theo vị trí chức vụ, chức danh và nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới tại cơ sở.

- Bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

d) Bồi dưỡng công tác Tôn giáo:

Bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức, quy định mới về công tác tôn giáo đối với cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo; chức sắc, chức việc và các tín đồ tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

d) Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, văn hóa công sở, văn hóa ứng xử, đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức.

e) Bồi dưỡng tại nước ngoài theo các chương trình thỏa thuận của tỉnh với nước ngoài trong khuôn khổ hợp tác; các chương trình bồi dưỡng do các Bộ, ngành Trung ương chủ trì; các chương trình do các tổ chức phi chính phủ tài trợ phù hợp với yêu cầu của tỉnh.

3. Về thực hiện chế độ hỗ trợ, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn

a) Tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn theo quy định của tỉnh.

b) Tổng kết 05 thực hiện chế độ hỗ trợ, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại Lạng Sơn theo quy định của tỉnh.

4. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng

a) Ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quy chế quy định trách nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để thống nhất thực hiện.

b) Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

5. Một số nhiệm vụ khác

a) Chủ động đổi mới phương thức và nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo xu thế hội nhập quốc tế, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương thông qua việc tham khảo, học tập kinh nghiệm một số tỉnh, thành phố và qua các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về công tác đào tạo, bồi dưỡng.

b) Nghiên cứu, phối hợp với các tổ chức, cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài xây dựng kế hoạch tổ chức những khóa bồi dưỡng tại những nước phát triển về các nội dung: Quản lý hành chính công, hoạch định chính sách công và dịch vụ công; Quản lý quốc tế và hội nhập; Quản trị địa phương, chính quyền địa phương, phát triển kinh tế bền vững địa phương; Quản lý, điều hành các chương trình kinh tế - xã hội,...

IV. CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Tổng số 10.768 chỉ tiêu, trong đó:

1. Đào tạo sau đại học 403 chỉ tiêu, bao gồm:

a) Cử đi đào tạo trong kế hoạch 170 chỉ tiêu.

b) Đào tạo 06 lớp thạc sĩ tại tỉnh (chuyển tiếp thực hiện từ năm 2017) với 233 chỉ tiêu.

2. Đào tạo trình độ Trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ (đối với Trường Công an xã và đối tượng dự nguồn): 78 chỉ tiêu.

3. Bồi dưỡng cán bộ, công chức: 2.920 chỉ tiêu.

4. Bồi dưỡng viên chức (trong kế hoạch, hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh): 2.560 chỉ tiêu.

5. Bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã: 2.079 chỉ tiêu.

6. Bồi dưỡng khác: 2.728 chỉ tiêu.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng khối quản lý nhà nước được UBND tỉnh giao dự toán thực hiện trong năm 2018 tại Quyết định 2389/QĐ-UBND ngày 12/12/2017.

b) Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Trung ương cấp cho tỉnh (bồi dưỡng cán bộ, công chức xã).

c) Kinh phí của viên chức và nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (đối với nội dung bồi dưỡng viên chức).

d) Kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức và của cán bộ, công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng.

đ) Kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, dự án hợp tác, liên kết đào tạo, bồi dưỡng của nước ngoài và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện Kế hoạch

Dự kiến kinh phí thực hiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 khối quản lý nhà nước là **17.608.000.000** đồng (trong đó kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh 17.000.000.000 đồng; kinh phí Trung ương cấp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới 608.000.000 đồng), cụ thể thực hiện các nội dung:

a) Thực hiện tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 7.968.000.000 đồng, bao gồm:

- | | |
|---------------------------------------|---------------------|
| - Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: | 902.000.000 đồng. |
| - Bồi dưỡng cán bộ, công chức: | 2.660.000.000 đồng. |
| - Bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã: | 3.511.000.000 đồng. |
| - Bồi dưỡng khác: | 895.000.000 đồng. |

b) Thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng phát sinh khác theo yêu cầu của tỉnh: 9.480.000.000 đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ ngoại ngữ, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế thực hiện Kế

hoạch số 121/KH-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng phát sinh theo yêu cầu của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 đính kèm).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các cơ sở đào tạo tổ chức triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quy chế quy định trách nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng để thống nhất thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan:

- Hướng dẫn triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung, chương trình và điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định phù hợp với tình hình thực tế.

- Tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị thanh toán chế độ hỗ trợ, khuyến khích và chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại tỉnh Lạng Sơn theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo các nội dung, chỉ tiêu theo kế hoạch.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả 05 năm thực hiện chế độ hỗ trợ, khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút người có trình độ cao theo Quyết định số 23/2013/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh.

e) Tổ chức đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, tổng hợp và báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng khi có phát sinh.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ chỉ tiêu, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 theo Kế hoạch đã được phê duyệt, thẩm định dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, trình UBND tỉnh quyết định phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện.

c) Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng nguồn kinh phí Trung ương cấp cho địa phương.

4. Sở Ngoại vụ

a) Phối hợp với các cơ quan chức năng huy động nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

b) Phối hợp với Công an tỉnh, các cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ trong việc giải quyết thủ tục xuất nhập cảnh; theo dõi, phối hợp quản lý các đối tượng cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

5. Công an tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các huyện, thành phố trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức và người hoạt động không chuyên trách công tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh ở cấp xã, đáp ứng yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ sở.

Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chính trị nội bộ đối với các đối tượng cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

6. Cục Thống kê

Căn cứ nội dung kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt và dự toán kinh phí được UBND tỉnh phân bổ tổ chức lớp bồi dưỡng năm 2018, chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên ngành đối với công chức Văn phòng – Thống kê cấp xã (sử dụng nguồn ngân sách của tỉnh) đảm bảo tiến độ, hiệu quả. Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện thông qua Sở Nội vụ.

7. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố

a) Phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; gắn việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

b) Trên cơ sở nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và dự toán kinh phí được giao, chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo về chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu kế hoạch.

c) Quyết định hoặc tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo phân cấp, đảm bảo đúng đối tượng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch; phối hợp các cơ sở đào

tạo hoặc cơ quan chủ trì tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian tham gia các khóa học; gắn việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức với kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng.

d) Đối với các sở, ban, ngành: Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo lĩnh vực, ngành quản lý (lồng ghép với những nhiệm vụ công tác của ngành, cơ quan, đơn vị), đảm bảo công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực, ngành quản lý được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên ngành bắt buộc tối thiểu hàng năm theo quy định.

đ) Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) về:

- Kết quả tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị (từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp năm 2018 và các nguồn kinh phí khác).

- Kết quả cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong năm.

8. Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ và các cơ sở đào tạo thuộc tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực, trình độ, cơ cấu hợp lý; tăng cường liên hệ, phối hợp, mời các giảng viên thuộc các cơ sở đào tạo của Trung ương có uy tín, kiến thức chuyên sâu, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao, chất lượng, hiệu quả các khóa học.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

The image shows an official circular stamp of the Provincial People's Committee of Thanh Hoa. The stamp contains the text "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ" and "HỌ TÊN" (Last Name). A handwritten signature in black ink is written over the stamp and extends to the right.

Hồ Tiến Thiệu



Phụ lục 01

**KẾ HOẠCH, CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2018 - SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ KHỎI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 ban hành tại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
	Tổng cộng	107	10.768	17.608.000.000	17.000.000.000	608.000.000			
I	ĐÀO TẠO	7	481	902.000.000	902.000.000	0			
1	Sau đại học	6	403	202.000.000	202.000.000	0			
1.1	Cử đi đào tạo trình độ sau đại học (Gồm: Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II; Thạc sĩ, Bác Sĩ chuyên khoa I, Dược sĩ chuyên khoa I)		170				2 năm	Sở Nội vụ trình UBND tỉnh	Phân bổ chỉ tiêu tại Phụ lục 02
1.2	Tổ chức lớp đào tạo thạc sĩ ngành Luật (2016 - 2018)	2	56	96.000.000	96.000.000		2 năm	Sở Nội vụ	Lớp chuyển tiếp từ năm 2017
1.3	Tổ chức lớp đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế (2016 - 2018)	2	99	106.000.000	106.000.000		2 năm	Sở Nội vụ	Lớp chuyển tiếp từ năm 2017
1.4	Tổ chức lớp đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế (2017 - 2019)	2	78	0	0		2 năm	Sở Nội vụ	Lớp chuyển tiếp từ năm 2017, kinh phí xã hội hóa
2	Trung cấp	1	78	700.000.000	700.000.000	0			
2.1	Nghiep vụ Trường Công an xã (2017 - 2019)	1	78	700.000.000	700.000.000		2 năm	Công an tỉnh	Lớp chuyển tiếp từ năm 2017

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
II	BỒI DƯỠNG	100	10.287	7.066.000.000	6.458.000.000	608.000.000			
1	Cán bộ, công chức	27	2.920	2.660.000.000	2.660.000.000	0			
1.1	Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp		20	115.000.000	115.000.000		6 tuần	Sở Nội vụ trình UBND tỉnh	
1.2	Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính	1	90	453.000.000	453.000.000		6 tuần	Sở Nội vụ trình UBND tỉnh	
1.3	Quản lý nhà nước ngạch chuyên viên	2	180	578.000.000	578.000.000		8 tuần	Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	
1.4	Bồi dưỡng tiêu chuẩn lãnh đạo cấp sở và tương đương		20	104.000.000	104.000.000		4 tuần	Sở Nội vụ trình UBND tỉnh	
1.5	Bồi dưỡng tiêu chuẩn lãnh đạo cấp huyện và tương đương		15	78.000.000	78.000.000		4 tuần	Sở Nội vụ	
1.6	Bồi dưỡng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương	2	160	636.000.000	636.000.000		4 tuần	Sở Nội vụ	
1.7	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành theo vị trí việc làm (các lĩnh vực)	22	2.435	696.000.000	696.000.000				
1.7.1	Kiến thức, nghiệp vụ về quản lý, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn (cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã)	4	400	116.000.000	116.000.000		3 ngày	Sở Giao thông vận tải	
1.7.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ Thanh tra giao thông vận tải	1	35	13.000.000	13.000.000		2 ngày	Sở Giao thông vận tải	
1.7.3	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về Khoa học và Công nghệ	1	120	36.000.000	36.000.000		2 ngày	Sở Khoa học và Công nghệ mời giảng viên Trung ương	
1.7.4	Bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác đăng ký kinh doanh cấp huyện	1	80	21.000.000	21.000.000		1 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư mời giảng viên Trung ương	

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
1.7.5	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về Hợp tác xã, Hộ kinh doanh cho cán bộ, công chức cấp huyện	1	90	22.000.000	22.000.000		1 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư mời giảng viên Trung ương	
1.7.6	Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ Thú y viên, Khuyến nông viên cơ sở	1	120	31.000.000	31.000.000		3 ngày	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1.7.7	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ công tác cải cách hành chính	1	110	24.000.000	24.000.000		2 ngày	Sở Nội vụ	
1.7.8	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ công tác văn thư, lưu trữ	1	120	36.000.000	36.000.000		2 ngày	Sở Nội vụ mời giảng viên Trung ương	
1.7.9	Bồi dưỡng kiến thức đối ngoại, hội nhập quốc tế và quản lý biên giới	1	100	34.000.000	34.000.000		2 ngày	Sở Ngoại vụ mời giảng viên Trung ương	
1.7.10	Bồi dưỡng kiến thức quản lý công tác phi chính phủ nước ngoài	1	80	32.000.000	32.000.000		2 ngày	Sở Ngoại vụ mời giảng viên Trung ương	
1.7.11	Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý tài chính - kế toán cho Chủ tài khoản và Kế toán trưởng khu vực hành chính sự nghiệp.	1	250	76.000.000	76.000.000		3 ngày	Sở Tài chính mời giảng viên Trung ương	
1.7.12	Bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ quản lý vốn đầu tư	1	150	50.000.000	50.000.000		3 ngày	Sở Tài chính mời giảng viên Trung ương	
1.7.13	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới về kinh tế tài chính	1	120	52.000.000	52.000.000		3 ngày	Sở Tài chính mời giảng viên Trung ương	
1.7.14	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức về lĩnh vực quản lý môi trường, khoáng sản	1	50	26.000.000	26.000.000		2 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường mời giảng viên Trung ương	

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
1.7.15	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức về lĩnh vực quản lý đất đai	1	160	41.000.000	41.000.000		2 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường mời giảng viên Trung ương	
1.7.16	Bồi dưỡng, tập huấn về quản trị hệ thống công nghệ thông tin	1	60	18.000.000	18.000.000		1 ngày	Sở Thông tin và Truyền thông mời giảng viên Trung ương	
1.7.17	Bồi dưỡng, tập huấn về Kỹ năng quản trị Trang thông tin điện tử thành phần	1	90	15.000.000	15.000.000		1 ngày	Sở Thông tin và Truyền thông	
1.7.18	Bồi dưỡng, tập huấn về chữ ký số cho cán bộ lãnh đạo của các Sở, ban, ngành UBND các huyện thành phố	1	200	31.000.000	31.000.000		1 ngày	Sở Thông tin và Truyền thông mời giảng viên Trung ương	
1.7.19	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ về tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; mạng bưu chính phục vụ cơ quan đảng, nhà nước	1	100	22.000.000	22.000.000		1 ngày	Sở Thông tin và Truyền thông mời giảng viên Trung ương	
2	Viên chức	27	2.560	0	0	0			
2.1	Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	8	800	0	0		6 tuần	Sở Nội vụ	
2.2	Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	8	800	0	0		6 tuần	Sở Nội vụ	
2.3	Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II	4	400	0	0		6 tuần	Sở Nội vụ	Kinh phí thực hiện do viên chức và nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo
2.4	Bồi dưỡng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	5	400	0	0		4 tuần	Sở Nội vụ	

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
2.5	Bồi dưỡng tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh	2	160	0	0	4 tuần	Sở Nội vụ		
3	Cán bộ, công chức cấp xã	25	2.079	3.511.000.000	2.903.000.000	608.000.000			
3.1	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã	2	160	320.000.000	320.000.000	5 ngày	Sở Nội vụ		
3.2	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ đối với Chủ tịch Hội nông dân cấp xã	1	100	166.000.000	166.000.000	5 ngày	Sở Nội vụ		
3.3	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ đối với Bí thư Đoàn thanh niên CSHCM cấp xã	1	100	166.000.000	166.000.000	5 ngày	Sở Nội vụ		
3.4	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đối với cán bộ, công chức cấp xã	7	700	1.162.000.000	1.162.000.000	5 ngày	Sở Nội vụ		
3.5	Bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế đối với cán bộ chủ chốt cấp xã	5	500	830.000.000	830.000.000	5 ngày	Sở Nội vụ		
3.6	Bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin đối với cán bộ, công chức cấp xã	5	175	608.000.000	608.000.000	20 ngày	Sở Nội vụ	Kinh phí Trung ương cấp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới	
3.7	Bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nghiệp vụ công tác thống kê đối với công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã.	2	118	33.000.000	33.000.000	3 ngày	Cục Thống kê		
3.8	Bồi dưỡng nghiệp vụ Hộ tịch đối với công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã (thực hiện Điều 72, Luật hộ tịch năm 2014)	2	226	226.000.000	226.000.000	6 ngày	Sở Tư pháp	Hỗ trợ tiền học phí nộp cho cơ sở đào tạo	

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
4	Bồi dưỡng khác	21	2.728	895.000.000	895.000.000	0			
4.1	Bồi dưỡng, tập huấn triển khai Nghị định hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho các chức sắc, nhà tu hành, chức việc, tín đồ các tôn giáo	1	120	31.000.000	31.000.000		1 ngày	Sở Nội vụ mời giảng viên Trung ương	
4.2	Bồi dưỡng, tập huấn triển khai Nghị định hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện	1	120	25.000.000	25.000.000		1 ngày	Sở Nội vụ mời giảng viên Trung ương	
4.3	Bồi dưỡng, tập huấn triển khai Nghị định hướng dẫn thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho cán bộ, công chức cấp xã	2	260	54.000.000	54.000.000		1 ngày	Sở Nội vụ	
4.4	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ công tác tôn giáo cho cán bộ làm công tác tôn giáo các ban, ngành, đoàn thể ở cấp tỉnh, cấp huyện	1	120	47.000.000	47.000.000		3 ngày	Sở Nội vụ mời giảng viên Trung ương	
4.5	Bồi dưỡng kiến thức về tôn giáo và công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo cho cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác tôn giáo cấp cơ sở	1	120	47.000.000	47.000.000		3 ngày	Sở Nội vụ mời giảng viên Trung ương	
4.6	Bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở và đạo đức công vụ tại huyện Chi Lăng	1	150	26.000.000	26.000.000		2 ngày	UBND huyện Chi Lăng	
4.7	Bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở và đạo đức công vụ tại huyện Hữu Lũng	1	150	26.000.000	26.000.000		2 ngày	UBND huyện Hữu Lũng	
4.8	Bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở và đạo đức công vụ tại huyện Cao Lộc	1	150	24.000.000	24.000.000		2 ngày	UBND huyện Cao Lộc	

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
4.9	Bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở và đạo đức công vụ tại huyện Văn Quan	1	150	26.000.000	26.000.000		2 ngày	UBND huyện Văn Quan	
4.10	Bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở và đạo đức công vụ tại huyện Văn Lãng	1	150	26.000.000	26.000.000		2 ngày	UBND huyện Văn Lãng	
4.11	Bồi dưỡng kiến thức văn hóa công sở và đạo đức công vụ tại thành phố Lạng Sơn	1	150	24.000.000	24.000.000		2 ngày	UBND thành phố Lạng Sơn	
4.12	Bồi dưỡng Quản lý trật tự xây dựng, cấp giấy phép xây dựng tại huyện Lộc Bình	1	110	19.000.000	19.000.000		2 ngày	UBND huyện Lộc Bình mời giảng viên cấp tỉnh	
4.13	Bồi dưỡng Kiến thức về Quản lý hành lang an toàn giao thông đường bộ tại huyện Lộc Bình	1	110	19.000.000	19.000.000		2 ngày	UBND huyện Lộc Bình mời giảng viên cấp tỉnh	
4.14	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ công tác cải cách hành chính tại huyện Tràng Định	1	100	15.000.000	15.000.000		1 ngày	UBND huyện Tràng Định mời giảng viên cấp tỉnh	
4.15	Bồi dưỡng Trưởng thôn, Trưởng khối phố thuộc huyện Bắc Sơn	1	119	78.000.000	78.000.000		3 ngày	UBND huyện Bắc Sơn	
4.16	Bồi dưỡng Trưởng thôn, Trưởng khối phố thuộc huyện Chi Lăng	1	133	80.000.000	80.000.000		3 ngày	UBND huyện Chi Lăng	
4.17	Bồi dưỡng Trưởng thôn, Trưởng khối phố thuộc huyện Đình Lập	1	139	96.000.000	96.000.000		3 ngày	UBND huyện Đình Lập	
4.18	Bồi dưỡng Trưởng thôn, Trưởng khối phố thuộc huyện Bình Gia	1	133	90.000.000	90.000.000		3 ngày	UBND huyện Bình Gia	
4.19	Bồi dưỡng Trưởng thôn, Trưởng khối phố thuộc huyện Tràng Định	1	140	100.000.000	100.000.000		3 ngày	UBND huyện Tràng Định	

TT	Nội dung thực hiện	Số lớp	Số học viên	Kinh phí thực hiện (đ)			Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Cơ quan chủ trì thực hiện	Ghi chú
				Tổng số	Chia theo các nguồn				
					Dự toán ngân sách của tỉnh	Kinh phí Trung ương			
4.20	Bồi dưỡng Bí thư, Phó Bí thư chi bộ thôn, khối phố thuộc TP Lạng Sơn	1	104	42.000.000	42.000.000		3 ngày	UBND thành phố Lạng Sơn	
III	THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG PHÁT SINH KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA TỈNH			9.480.000.000	9.480.000.000	0		Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cho UBND tỉnh	
IV	HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG			160.000.000	160.000.000	0		Sở Nội vụ	- Hội nghị, hội thảo, tập huấn đào tạo, bồi dưỡng; học tập kinh nghiệm; các hoạt động quản lý trực tiếp công tác đào tạo, bồi dưỡng



PHÂN BỐ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018 ban hành tại Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đăng ký nhu cầu đào tạo sau đại học năm 2018			Phân bổ chỉ tiêu đào tạo sau đại học năm 2018	Ghi chú
		Tổng số chỉ tiêu	Trong đó			
			Trong kế hoạch	Ngoài kế hoạch		
TỔNG CỘNG		273	221	52	170	
1	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH	209	165	44	120	
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	0	0		0	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	4	4		4	
3	Sở Công Thương	14	10	4	6	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	56	56		40	
5	Sở Giao thông vận tải	5	5		3	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	3	0	3	0	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	0	0		0	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2	2		2	
9	Sở Ngoại vụ	3	3		2	
10	Sở Nội vụ	6	4	2	3	
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7	7		7	
12	Sở Tài chính	2	2		2	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	5		4	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	2	2		2	
15	Sở Tư pháp	2	2		2	
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8	8		5	
17	Sở Xây dựng	1	1		1	
18	Sở Y tế	80	50	30	35	
19	Thanh tra tỉnh	4	4		2	
20	Ban Dân tộc	0	0		0	

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đăng ký nhu cầu đào tạo sau đại học năm 2018			Phân bổ chỉ tiêu đào tạo sau đại học năm 2018	Ghi chú
		Tổng số chỉ tiêu	Trong đó			
			Trong kế hoạch	Ngoài kế hoạch		
21	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	0	0		0	
22	Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới	0	0		0	
23	Đài Phát thanh và Truyền hình	5	0	5	0	
24	Liên minh Hợp tác xã	0	0		0	
25	Hội Chữ thập đỏ	0	0		0	
26	Hội Đông y	0	0		0	
27	Hội Nhà báo	0	0		0	
28	Hội Văn học và Nghệ thuật	0	0		0	
II	UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	64	56	8	50	
1	UBND huyện Bắc Sơn	4	4		4	
2	UBND huyện Bình Gia	6	6		6	
3	UBND huyện Cao Lộc	3	3		3	
4	UBND huyện Chi Lăng	7	6	1	6	
5	UBND huyện Đình Lập	1	1		2	
6	UBND huyện Hữu Lũng	4	4		4	
7	UBND huyện Lộc Bình	10	9	1	6	
8	UBND huyện Tràng Định	3	3		3	
9	UBND huyện Văn Lãng	9	9		6	
10	UBND huyện Văn Quan	3	3		3	
11	UBND thành phố Lạng Sơn	14	8	6	7	